



# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Thứ Hai, 06 Tháng Mười 2025

Dữ liệu thị trường ngày 06/10/2025

| Tổng quan | VN-Index | HNX-Index |
|-----------|----------|-----------|
|-----------|----------|-----------|

|                 |         |        |
|-----------------|---------|--------|
| Chỉ số          | 1.695,5 | 274,69 |
| Thay đổi (điểm) | 49,68   | 8,94   |
| Thay đổi (%)    | 3,02    | 3,36   |
| KLGD (triệu cp) | 1.087   | 100    |
| GTGD (tỷ đồng)  | 32.246  | 2.312  |

NĐT nước ngoài giao dịch ròng

|       |        |           |
|-------|--------|-----------|
| HOSE  | -1.644 | (tỷ đồng) |
| HNX   | -38    | (tỷ đồng) |
| UPCOM | -6     | (tỷ đồng) |

VN-Index



Top cổ phiếu ảnh hưởng VNINDEX

- Ảnh hưởng tích cực:**  
VCB, VPB, VIC, HPG, VHM...
- Ảnh hưởng tiêu cực:**  
LPB, PGV, STG, BCG, TDM...

## VNINDEX BẬT TĂNG MẠNH, DÒNG TIỀN Ồ ẠT CHẢY VÀO NHÓM NGÂN HÀNG - CHỨNG KHOÁN!

### Chuyển động thị trường và dự báo:

Phiên mở cửa đầu tuần với tâm lý hứng khởi, phản ánh kỳ vọng tích cực sau thông tin GDP quý III/2025 tăng trưởng khả quan. Chỉ số VN-Index bật tăng mạnh hơn 3 điểm phần trăm, đạt mức 1.695,5 điểm với độ rộng thị trường nghiêng hẳn về sắc xanh khi lực cầu xuất hiện và duy trì xuyên suốt phiên giao dịch hôm nay. Trong đó, nổi bật nhất là nhóm chứng khoán trong bối cảnh phần lớn các mã cổ phiếu như SSI, VND, HCM, VIX, SHS,... tăng kịch trần cùng với triển vọng nâng hạng của thị trường chứng khoán Việt Nam - kết quả được kỳ vọng là sẽ tích cực trong kỳ rà soát lần này của FTSE Russell. Theo sau là nhóm ngân hàng khi đa số các mã cổ phiếu thuộc nhóm này đều hiện sắc xanh tích cực như HDB, SHB, STB, TPB,... qua đó giúp củng cố thêm cho tâm lý thị trường sau nhịp rung lắc xảy ra trước đó. Mặt khác, nhóm VN30 cũng trở thành một trong những ưu tiên hàng đầu của dòng tiền khi có tới 29/30 mã tăng trong phiên giao dịch hôm nay.

Nhìn chung VN-Index bật tăng cùng với khối lượng giao dịch vượt mức trung bình 20 phiên cho thấy sự đồng thuận của dòng tiền. Khối nhà đầu tư nước ngoài duy trì đà bán ròng trên cả 3 sàn với tổng mức bán ròng đạt 1.688,88 tỷ đồng.

Về mặt kỹ thuật, thị trường phục hồi kèm theo lực cầu chủ động đến từ các các nhóm ngành lớn như ngân hàng, chứng khoán, nguyên vật liệu,... cho thấy triển vọng ngắn hạn dần trở nên tích cực hơn. Nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ danh mục, tập trung vào các nhóm cổ phiếu có câu chuyện đầu tư trong giai đoạn tới như ngân hàng, chứng khoán, đầu tư công, bán lẻ, bất động sản, vận tải biển,...

**CỔ PHIẾU QUAN TÂM: HDB, VCB, LPB, CTD, BAF, SSI, VIX, FPT, ANV, VNM.**



### Danh sách khuyến nghị tháng 09.2025

| Mã cổ phiếu | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ |
|-------------|--------------|------------|
| MWG         | 82.000       | 70.500     |
| CTG         | 55.000       | 48.000     |
| HPG         | 31.500       | 27.800     |
| HCM         | 30.500       | 26.500     |
| PVD         | 24.000       | 21.500     |
| DCM         | 41.500       | 36.500     |
| DXG         | 25.000       | 21.500     |

Danh sách công bố ngày 08/09/2025, VikkibankS.vn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 09.2025 (\*):

| Mã  | Thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa tại ngày khuyến nghị | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Tỷ suất sinh lời kỳ vọng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------|--------------|------------|--------------------------|
| MWG | Doanh thu hợp nhất T7.2025 đạt 12,8 nghìn tỷ, tăng 16% so với cùng kỳ (YoY). Chuỗi TGDĐ&ĐMX đạt 8,7 nghìn tỷ, tăng 3% so với tháng trước (MoM), +21% YoY. Chuỗi BHX đạt 3,9 nghìn tỷ (+6% YoY, +4% MoM). Doanh thu/cửa hàng của 2 chuỗi hệ thống đều cải thiện so với tháng 6 và khả năng tiếp tục cải thiện ở thời gian tới, khi mùa mua sắm cuối năm ngành bán lẻ và 420 cửa hàng BHX mở mới kể từ đầu năm bắt đầu đóng góp nhiều lợi nhuận hơn. BHX quý 2 đạt 182 tỷ, 6T2025 đạt 2025 tỷ lợi nhuận, kế hoạch MWG dự kiến BHX đạt 600 tỷ lợi nhuận 2025. MWG dự kiến mua cp quỹ vào tháng 10. | 08/09/2025       | 74.000                            | 82.000       | 70.500     | 10,8%                    |
| CTG | Tăng trưởng tín dụng đạt gần 12% vào 11/8, so với 10% vào 30/6. Trong quý 2 vừa qua, tỷ lệ nợ xấu của CTG giảm nhờ một khách hàng chiếm tỷ trọng lớn được cơ cấu, trích lập dự phòng giảm, tỷ lệ bao nợ xấu đạt mức 135% giảm nhẹ so với quý 1 nhưng vẫn cao so với ngành, trích lập 6T2025 đạt khoảng 50% so với kế hoạch 20-25 nghìn tỷ. CTG có khả năng đẩy mạnh trích lập ở quý 3 nhưng lợi nhuận vẫn duy trì tăng trưởng so với cùng kỳ.                                                                                                                                                   | 08/09/2025       | 49.500                            | 55.000       | 48.000     | 11,1%                    |
| HPG | Tổng sản lượng tiêu thụ T7.2025 đạt 864,5 nghìn tấn (+16% YoY, +7% MoM), sản lượng tháng 8 có thể chịu ảnh hưởng thêm do mùa mưa, nhưng dự kiến sẽ tốt dần hơn vào tháng 9 đến cuối năm. Tháng 7, tiêu thụ thép xây dựng đạt 370,6 nghìn tấn (+7% YoY, +15% MoM), thép HRC đạt 356,9 nghìn tấn (+52% YoY, -7% MoM). Trong 7T.2025, xuất khẩu thép xây dựng chiếm 15% tổng lượng thép xây dựng, xuất khẩu HRC đạt 13% so với tổng lượng tiêu thụ HRC (giảm so với mức 32% của 2024 do HPG hưởng lợi nhờ áp thuế chống bán phá giá với HRC nên đẩy mạnh tiêu thụ trong nước).                     | 08/09/2025       | 28.900                            | 31.500       | 27.800     | 9,0%                     |
| HCM | Các yếu tố chính: Thanh khoản thị trường duy trì mức cao Q3, nâng hạng thị trường, hoạt động phát hành thêm 360 triệu cổ phiếu và cổ đông nhà nước HFIC đang chuyển nhượng quyền mua, nếu thuận lợi HCM sẽ có nguồn vốn mới từ tháng 10.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 08/09/2025       | 27.500                            | 30.500       | 26.500     | 10,9%                    |
| PVD | Giàn khoan PVD VIII đã ký kết hợp đồng với Vietsovpetro và sẽ tiến hành khai thác, đây là giàn khoan mới nhất mà PVD đầu tư và dự kiến PVD sẽ đầu tư thêm giàn mới vào cuối năm nay - đầu năm sau. Ngoài ra, giàn khoan PVD VI sau thời gian ngừng hoạt động do gián đoạn sự cố, cũng đã quay trở lại hoạt động.                                                                                                                                                                                                                                                                                | 08/09/2025       | 22.200                            | 24.000       | 21.500     | 8,1%                     |
| DCM | Giá phân bón Urê thế giới chịu sự gián đoạn sau khi Ấn Độ đóng thầu với giá thấp hơn lần gọi thầu trước đó. Giá Urê thế giới vào đầu tháng 9 giảm khoảng 50USD/tấn so với đầu tháng 8. Điều này sẽ gây ảnh hưởng giá Urê trong nước, nhưng hiện tại hoạt động xuất khẩu vẫn khả quan, giá urê dù giảm cũng vẫn cao hơn so với cùng kỳ.                                                                                                                                                                                                                                                          | 08/09/2025       | 37.700                            | 41.500       | 36.500     | 10,1%                    |
| DXG | DXG đã mở bán thành công giai đoạn 1 của dự án The Privé. DXG sẽ tiếp tục mở bán các giai đoạn tiếp theo trong cuối năm. Sự thành công của The Privé sẽ là động lực tăng trưởng của DXG trong thời gian tới.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 08/09/2025       | 22.550                            | 25.000       | 21.500     | 10,9%                    |

(\*) Danh mục tháng 9 so với tháng 8, chúng tôi loại DPG, NT2, HDG, thêm mới HPG, HCM, CTG, trong khi giữ lại MWG, PVD, DCM, DXG. Chúng tôi tiếp tục chọn MWG như cổ ưa thích nhất khi MWG liên tục nằm trong danh sách khuyến nghị kể từ đầu tháng 5. MWG có sự tăng trưởng đồng đều ở các mảng và dự địa tăng trưởng cho đến cuối năm, ngoài ra hoạt động mua cổ phiếu quỹ cũng sẽ là chất xúc tác cho giá cổ phiếu. Trong khi đó, DXG cũng tiếp tục được lựa chọn giữ lại khi hoạt động mở bán của The Privé thành công vừa qua, đây cũng là cổ phiếu nằm trong danh mục kể từ đầu tháng 6 đến nay. Chúng tôi thêm trở lại CTG khi tăng trưởng tín dụng tiếp tục duy trì mạnh mẽ, và CTG cũng là ngân hàng có mức tăng trưởng mạnh nhất nhóm ngân hàng SOE, trong khi các hệ số tài chính khác khả quan hơn. HPG được thêm vào khi sản lượng tiêu thụ tháng 7 tăng trưởng tốt, giá thép có sự cải thiện nhờ hưởng lợi từ thế giới do Trung Quốc cắt giảm sản lượng thép, trong khi đó, HPG cũng sẽ chuyển nhà máy Dung Quất 2 (phần kỳ 1) thành tài sản cố định, điều này dẫn đến lợi nhuận từ nhà máy này sẽ được hoạch toán vào báo cáo quý 3 trở đi, bên cạnh Phần kỳ 2 của nhà máy này đã hoàn thành. Chúng tôi cũng thêm vào cổ phiếu ngành chứng khoán là HCM, do thanh khoản thị trường tốt và hưởng lợi từ việc nâng hạng, HCM cũng là cty chứng khoán đầu ngành sớm nhất có hoạt động tăng vốn hoàn thành. Chúng tôi giữ lại PVD và DCM do vẫn cho rằng duy trì tăng trưởng khả quan, đặc biệt tăng trưởng của PVD trong quý 3 và 4 là gần như chắc chắn. Chúng tôi loại các cổ phiếu DPG, NT2, HDG không phải vì doanh nghiệp này mất đi các động lực tăng trưởng mà do yếu tố dòng tiền đến cổ phiếu này trong ngắn hạn, DPG có các trụ cột tăng trưởng vững chắc bên cạnh mảng bất động sản với dự án Casamia Balanca, NT2 với sản lượng Qc tăng trưởng mạnh trong quý 3 nhờ nguồn khí đầu vào ổn định, và HDG với dự án Charm Villas đang được AHS phân phối với khả năng ghi nhận doanh thu 15-20 căn trong quý 4. Số liệu từ Tổng Cục thống kê tháng 8 cho thấy, doanh thu bán lẻ cả nước đã tăng trưởng 2 chữ số trở lại kể từ 2023, tăng trưởng đầu tư công khả quan, vốn FDI thực hiện và đăng ký vẫn duy trì tăng trưởng, tình hình thuế quan đã thuận lợi hơn cho hoạt động xuất nhập khẩu. Chúng tôi cho rằng, nhịp điều chỉnh đầu tháng 9 của thị trường đến từ tâm lý chốt lời sau thời gian tăng nóng, và Tháng 9 hàng năm vẫn là tháng khó của thị trường. Dù vậy, chúng tôi cho rằng, các yếu tố như nâng hạng thị trường, FED giảm lãi suất sẽ tiếp tục là chất xúc tác hỗ trợ cho nửa đầu tháng 9. Khoảng nửa sau tháng 9 đến đầu tháng 10, nhiều câu chuyện kỳ vọng đã dần được phản ánh hơn, chúng tôi cho rằng đây mới là nhịp điều chỉnh rộng hơn của chỉ số. **Chỉ số đã thủng MA20 ngày 8/9, điều này sẽ là khá rủi ro nếu thủng mốc 1600, cần quản trị rủi ro chặt chẽ trong trường hợp này. Nếu như chỉ số hồi phục trở lại, kịch bản tăng tiếp theo đến giữa tháng sẽ là khả thi hơn.**

## ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG

**Tổng Cục Thống kê công bố tình hình kinh tế xã hội 9 tháng đầu năm.** Quý III/2025, GDP ước tăng 8,23% (cao thứ hai 2011–2025 sau Q3/2022). Động lực chính: công nghiệp–xây dựng (+9,46%) và dịch vụ (+8,56%); chế biến, chế tạo +9,98%. Theo sử dụng GDP, tiêu dùng cuối cùng +7,79% (đóng góp 60%), tích lũy tài sản +8,97% (45%); xuất–nhập khẩu cùng tăng >18%. Lũy kế 9 tháng, GDP +7,85%; đóng góp vào mức tăng GDP: công nghiệp–xây dựng 43,05%, dịch vụ 51,59%. Cơ cấu 9 tháng: công nghiệp–xây dựng 37,58%; dịch vụ 42,92%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp 8,20%. Theo sử dụng: tiêu dùng cuối cùng +8,07% (đóng góp 73,83%); tích lũy +8,52%; XK dịch vụ & hàng hóa +15,51%, NK +16,75%.

Công nghiệp phục hồi: IIP 9 tháng +9,1% (2024: +8,4%); chế biến, chế tạo +10,4% (đóng góp 8,4 đpt); điện +6,1%; nước & xử lý rác +8,8%; khai khoáng +0,1%. Dịch vụ tăng tốc nhờ cầu nội địa & du lịch: bán lẻ & dịch vụ tiêu dùng 9 tháng 5,176 triệu tỷ đồng (+9,5%; loại trừ giá +7,2%). Vận tải hành khách +22,6% lượt; hàng hóa +15,8% sản lượng. Doanh nghiệp: tháng 9 có 16,8 nghìn DN mới (+49,8% yoy) và 10,7 nghìn DN quay lại (+65,7%); 9 tháng có 231,3 nghìn DN mới/quay lại (+26,4%), 174,9 nghìn rút lui (+6,8%). Tiền tệ–tài chính: đến 25/9, M2 +10,61% so cuối 2024; huy động +9,74%; tín dụng +13,0%. Đầu tư: vốn thực hiện toàn xã hội 9 tháng 2,702 triệu tỷ (+11,6%); FDI đăng ký 28,54 tỷ USD (+15,2%), giải ngân 18,80 tỷ (+8,5%, cao nhất 5 năm); đầu tư ra nước ngoài 846,8 triệu USD (gấp 4,5 lần). NSNN: thu 9 tháng ~1,926 triệu tỷ (+30,5%); chi 1,634,8 triệu tỷ (+31,4%). Thương mại: XK 9 tháng 348,74 tỷ USD (+16,0%); NK 331,92 tỷ (+18,8%); thặng dư 16,82 tỷ (FDI xuất siêu 37,08 tỷ; khu vực trong nước nhập siêu 20,26 tỷ). CPI bình quân 9 tháng +3,27%; lạm phát cơ bản +3,19%.

Chúng tôi cho rằng, tăng trưởng GDP trong quý 3 đến từ hầu hết các mảng. Hoạt động xuất nhập khẩu sôi động trong quý 3, đặc biệt sau khi hết thời hạn hoãn thuế đối ứng 1/8, tháng 9 chứng kiến sự bùng nổ của các mặt hàng linh kiện thiết bị điện tử cho thấy nhóm FDI đã đẩy mạnh xuất trở lại trong tháng 9. Trong khi đó, giải ngân vốn ngân sách nhà nước tiếp tục tăng trưởng mạnh. Lạm phát được kiểm soát dưới mức 4% của chính phủ đặt ra. Tăng trưởng tín dụng tốt. Bán lẻ có tháng thứ 2 với mức tăng trên 10% và vốn FDI giải ngân tăng 8,5% trong 9 tháng và vốn đăng ký tăng 15,2% so với cùng kỳ. Hầu hết các trụ cột đều cho thấy hồi phục, tăng trưởng tín dụng và đầu tư công đóng vai trò mạnh hơn trong năm nay.

**HCM:** HSC (HCM) hoàn tất chào bán gần 360 triệu cổ phiếu giá 10.000 đồng/cp, thu ròng 3,6 nghìn tỷ; vốn điều lệ vượt 10,8 nghìn tỷ. 70% vốn dùng cho margin, 30% cho tự doanh. Dragon Capital giữ 31,48%; HFIC không thực hiện quyền, chuyển nhượng hết, tỷ lệ từ 16,88% xuống 11,25%. Phân phối đạt 99,26% cho 27 nghìn nhà đầu tư; 2,7 triệu còn lại đã bán hết.

**DPG:** ước doanh thu hợp nhất 9 tháng 2025 đạt 2.832 tỷ đồng, tăng gần 33% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp trình phương án chào bán riêng lẻ tối đa ~17,8 triệu cổ phiếu cho ≤20 NGT chuyên nghiệp, giá không thấp hơn 1,5 lần giá trị sổ sách, hạn chế chuyển nhượng 1 năm, triển khai 2025–2026. Tiền thu dự kiến phân bổ: 18% nhà máy kính siêu trắng, 48% KDL Bình Dương, 34% vốn lưu động/xây lắp.

**DCM:** Đạm Cà Mau ước quý III/2025 doanh thu 3.418 tỷ đồng (+28% yoy), LNTT 344 tỷ, gấp 2,6 lần. Lũy kế 9 tháng, doanh thu 13.241,6 tỷ, LNTT 1.686,1 tỷ; hoàn thành 95% kế hoạch doanh thu và vượt chỉ tiêu lợi nhuận năm 2025 (kế hoạch: doanh thu 13.983 tỷ, LNST 774 tỷ). Doanh nghiệp nêu rủi ro nguồn khí đầu vào; VCBBS đánh giá tích cực nhờ khí giảm, giá urê cải thiện.

**FMC:** Sao Ta (FMC) báo doanh thu tháng 9/2025 đạt 29,54 triệu USD, giảm 2% so với cùng kỳ và giảm 26% so với mức kỳ lục tháng 8—đánh dấu tháng đầu tiên trong năm đi lùi. Sản xuất tôm thành phẩm tăng 17% nhưng tiêu thụ giảm (tôm -15%, nông sản -26%). Lũy kế 9 tháng, doanh thu ước khoảng 243 triệu USD.

## HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 1+2+3 (2025)

### Danh sách khuyến nghị tháng 1.2025

| Mã CP                                               | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa ngày khuyến nghị | Ngày chốt danh mục | Giá đóng cửa ngày chốt danh mục | Tỷ suất sinh lời |
|-----------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|
| KDH                                                 | 13/01/2025       | 34.450                        | 06/02/2025         | 34.600                          | 0,44%            |
| HAH                                                 | 13/01/2025       | 49.450                        | 06/02/2025         | 54.100                          | 9,40%            |
| STB                                                 | 13/01/2025       | 35.300                        | 06/02/2025         | 37.350                          | 5,81%            |
| CTG                                                 | 13/01/2025       | 37.700                        | 06/02/2025         | 39.500                          | 4,77%            |
| CTD                                                 | 13/01/2025       | 71.200                        | 06/02/2025         | 81.900                          | 15,03%           |
| VNINDEX                                             | 13/01/2025       | 1235,65                       | 06/02/2025         | 1271,48                         | 2,90%            |
| Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 13/01 - 06/02 |                  |                               |                    |                                 | 7,09%            |

### Danh sách khuyến nghị tháng 2.2025

| Mã CP                                               | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa ngày khuyến nghị | Ngày chốt danh mục | Giá đóng cửa ngày chốt danh mục | Tỷ suất sinh lời |
|-----------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|
| KDH                                                 | 07/02/2025       | 34.550                        | 06/03/2025         | 33.550                          | -2,89%           |
| CTG                                                 | 07/02/2025       | 40.800                        | 06/03/2025         | 41.650                          | 2,08%            |
| CTD                                                 | 07/02/2025       | 81.900                        | 06/03/2025         | 96.000                          | 17,22%           |
| HT1                                                 | 07/02/2025       | 12.450                        | 06/03/2025         | 12.550                          | 0,80%            |
| VCG                                                 | 07/02/2025       | 20.300                        | 06/03/2025         | 22.000                          | 8,37%            |
| HHV                                                 | 07/02/2025       | 12.550                        | 06/03/2025         | 12.800                          | 1,99%            |
| VNINDEX                                             |                  |                               |                    |                                 | 3,37%            |
| Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/02 - 06/03 |                  |                               |                    |                                 | 4,60%            |

### Danh sách khuyến nghị tháng 3.2025

| Mã CP                                               | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa ngày khuyến nghị | Ngày chốt danh mục | Giá đóng cửa ngày chốt danh mục | Tỷ suất sinh lời | Biên độ giá biến động trong kỳ | % giảm so với giá dừng lỗ đề xuất |
|-----------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| DXG                                                 | 07/03/2025       | 16.350                        | 10/04/2025         | 13.150                          | -19,57%          | 12.300 - 17.200                | -3,36%                            |
| CTG                                                 | 07/03/2025       | 42.400                        | 10/04/2025         | 36.150                          | -14,74%          | 33.800 - 43.300                | -2,83%                            |
| CTD                                                 | 07/03/2025       | 94.000                        | 10/04/2025         | 68.800                          | -26,81%          | 64.300 - 94.000                | -5,32%                            |
| SSI                                                 | 07/03/2025       | 26.900                        | 10/04/2025         | 22.000                          | -18,22%          | 20.600 - 27.450                | -3,35%                            |
| VCG                                                 | 07/03/2025       | 21.600                        | 10/04/2025         | 19.450                          | -9,95%           | 18.050 - 22.600                | -4,17%                            |
| SIP                                                 | 07/03/2025       | 89.600                        | 10/04/2025         | 69.000                          | -22,99%          | 64.500 - 94.800                | -3,46%                            |
| VNINDEX                                             | 07/03/2025       | 1326,05                       | 10/04/2025         | 1168,34                         | -11,89%          | 1073,61 - 1342,91              |                                   |
| Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/03 - 10/04 |                  |                               |                    |                                 | -18,71%          |                                | -3,75%                            |



## HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 4+5+6 (2025)

### Danh sách khuyến nghị tháng 4.2025

| Mã CP                                               | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa ngày khuyến nghị | Ngày chốt danh mục | Giá đóng cửa ngày chốt danh mục | Tỷ suất sinh lời | Biên độ giá biến động trong kỳ | % giảm so với giá dừng lỗ đề xuất |
|-----------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| VCG                                                 | 10/04/2025       | 19.450                        | 07/05/2025         | 21.600                          | 11,05%           | 19.700 - 22.800                | -5,91%                            |
| HVN                                                 | 10/04/2025       | 27.600                        | 07/05/2025         | 34.950                          | 26,63%           | 27.650 - 35.000                | -6,16%                            |
| ACV                                                 | 10/04/2025       | 96.600                        | 07/05/2025         | 93.200                          | -3,52%           | 85.000 - 100.000               | -6,83%                            |
| MBB                                                 | 10/04/2025       | 22.050                        | 07/05/2025         | 23.250                          | 5,44%            | 21.550 - 23.850                | -6,58%                            |
| STB                                                 | 10/04/2025       | 35.400                        | 07/05/2025         | 38.850                          | 9,75%            | 35.400 - 41.200                | -4,80%                            |
| HAH                                                 | 10/04/2025       | 48.200                        | 07/05/2025         | 66.500                          | 37,97%           | 48.000 - 66.600                | -4,56%                            |
| VNINDEX                                             | 10/04/2025       | 1.168,34                      | 07/05/2025         | 1250,37                         | 7,02%            | 1.073,61 - 1.342,91            |                                   |
| Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 10/04 - 07/05 |                  |                               |                    |                                 | 14,55%           |                                | -5,81%                            |

### Danh sách khuyến nghị tháng 5.2025

| Mã CP                                               | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa ngày khuyến nghị | Ngày chốt danh mục | Giá đóng cửa ngày chốt danh mục | Tỷ suất sinh lời | Biên độ giá biến động trong kỳ | % giảm so với giá dừng lỗ đề xuất |
|-----------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| PLC*                                                | 07/05/2025       | 25.320                        | 06/06/2025         | 26.800                          | 5,72%            | 24.400 - 28.300                | -4,26%                            |
| HVN                                                 | 07/05/2025       | 34.950                        | 06/06/2025         | 38.300                          | 9,59%            | 33.150 - 40.950                | -4,15%                            |
| CTD                                                 | 07/05/2025       | 77.900                        | 06/06/2025         | 80.300                          | 3,08%            | 77.900 - 84.400                | -3,21%                            |
| MBB                                                 | 07/05/2025       | 23.250                        | 06/06/2025         | 24.150                          | 3,87%            | 23.200 - 25.550                | -3,23%                            |
| MWG                                                 | 07/05/2025       | 60.100                        | 06/06/2025         | 60.500                          | 0,67%            | 58.900 - 64.400                | -3,99%                            |
| HAH                                                 | 07/05/2025       | 66.500                        | 06/06/2025         | 76.000                          | 14,29%           | 64.600 - 90.000                | -4,96%                            |
| GVR                                                 | 07/05/2025       | 24.850                        | 06/06/2025         | 28.350                          | 14,08%           | 25.100 - 30.400                | -4,63%                            |
| VNINDEX                                             | 07/05/2025       | 1250,37                       | 06/06/2025         | 1329,89                         | 6,36%            | 1.250 - 1.342                  |                                   |
| Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/05 - 06/06 |                  |                               |                    |                                 | 7,33%            |                                | -4,06%                            |

\*PLC chia cổ tức tiền mặt 500đ vào ngày 29/5, các mức giá được điều chỉnh, tỷ suất sinh lời bao gồm cổ tức nhận về sau thuế

### Danh sách khuyến nghị tháng 6.2025

| Mã CP                                               | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa ngày khuyến nghị | Ngày chốt danh mục | Giá đóng cửa ngày chốt danh mục | Tỷ suất sinh lời | Biên độ giá biến động trong kỳ | % giảm so với giá dừng lỗ đề xuất |
|-----------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| PLC                                                 | 06/06/2025       | 26.800                        | 07/07/2025         | 25.000                          | -6,72%           | 24.400 - 28.300                | -4,26%                            |
| HVN                                                 | 06/06/2025       | 38.300                        | 07/07/2025         | 38.000                          | -0,78%           | 33.150 - 40.950                | -4,18%                            |
| CTG                                                 | 06/06/2025       | 38.200                        | 07/07/2025         | 44.400                          | 16,23%           | 37.550 - 44.400                | -2,88%                            |
| MWG                                                 | 06/06/2025       | 60.500                        | 07/07/2025         | 66.500                          | 9,92%            | 59.900 - 66.800                | -3,47%                            |
| DXG                                                 | 06/06/2025       | 15.850                        | 07/07/2025         | 17.250                          | 8,83%            | 23.750 - 25.900                | -4,73%                            |
| HDG                                                 | 06/06/2025       | 27.000                        | 07/07/2025         | 25.600                          | -5,19%           | 23.750 - 26.850                | -4,44%                            |
| GEG                                                 | 06/06/2025       | 16.550                        | 07/07/2025         | 16.200                          | -2,11%           | 15.200 - 16.800                | -4,53%                            |
| VNINDEX                                             | 06/06/2025       | 1329,89                       | 07/07/2025         | 1402,26                         | 5,44%            | 1.304 - 1.402                  |                                   |
| Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 06/06 - 07/07 |                  |                               |                    |                                 | 2,88%            |                                | -4,07%                            |

## HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 7+8 (2025)

### [Danh sách khuyến nghị tháng 7.2025](#)

| Mã CP                                               | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa ngày khuyến nghị | Ngày chốt danh mục | Giá đóng cửa ngày chốt danh mục | Tỷ suất sinh lời | Biên độ giá biến động trong kỳ | % giảm so với giá dừng lỗ đề xuất |
|-----------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| CTG                                                 | 07/07/2025       | 44.400                        | 08/08/2025         | 47.700                          | 7,43%            | 43.600 - 48.750                | -4,26%                            |
| DXG                                                 | 07/07/2025       | 17.250                        | 08/08/2025         | 21.400                          | 24,06%           | 16.550 - 21.500                | -4,35%                            |
| MWG*                                                | 07/07/2025       | 66.500                        | 08/08/2025         | 72.000                          | 9,70%            | 65.200 - 72.800                | -3,61%                            |
| DPG                                                 | 07/07/2025       | 44.700                        | 08/08/2025         | 45.800                          | 2,46%            | 41.850 - 49.800                | -4,03%                            |
| VPB                                                 | 07/07/2025       | 19.300                        | 08/08/2025         | 29.550                          | 53,11%           | 19.050 - 29.550                | -3,63%                            |
| HDG                                                 | 07/07/2025       | 25.600                        | 08/08/2025         | 28.000                          | 9,38%            | 24.800 - 29.500                | -3,91%                            |
| GEG                                                 | 07/07/2025       | 16.200                        | 08/08/2025         | 17.000                          | 4,94%            | 16.150 - 18.450                | -4,32%                            |
| VNINDEX                                             | 07/07/2025       | 1402,26                       | 08/08/2025         | 1584,95                         | 13,03%           | 1.403 - 1.585                  |                                   |
| Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/07 - 08/08 |                  |                               |                    |                                 | 15,87%           |                                | -4,01%                            |

\*MWG chia cổ tức tiền mặt 1.000đ vào ngày 24/7, tỷ suất sinh lời bao gồm cổ tức nhận về sau thuế

### [Danh sách khuyến nghị tháng 8.2025](#)

| Mã CP                                               | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa ngày khuyến nghị | Ngày chốt danh mục | Giá đóng cửa ngày chốt danh mục | Tỷ suất sinh lời | Biên độ giá biến động trong kỳ | % giảm so với giá dừng lỗ đề xuất |
|-----------------------------------------------------|------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|--------------------------------|-----------------------------------|
| PVD                                                 | 08/08/2025       | 23.000                        | 08/09/2025         | 22.200                          | -3,48%           | 20.700 - 23.800                | -4,78%                            |
| DXG                                                 | 08/08/2025       | 21.400                        | 08/09/2025         | 22.550                          | 5,37%            | 19.550 - 24.500                | -4,21%                            |
| MWG                                                 | 08/08/2025       | 72.000                        | 08/09/2025         | 74.000                          | 2,78%            | 68.000 - 78.300                | -3,89%                            |
| DPG                                                 | 08/08/2025       | 45.800                        | 08/09/2025         | 42.050                          | -8,19%           | 41.900 - 51.500                | -5,02%                            |
| DCM                                                 | 08/08/2025       | 41.500                        | 08/09/2025         | 37.700                          | -9,16%           | 37.500 - 43.850                | -4,82%                            |
| HDG                                                 | 08/08/2025       | 28.000                        | 08/09/2025         | 29.200                          | 4,29%            | 27.600 - 35.050                | -4,29%                            |
| NT2                                                 | 08/08/2025       | 21.650                        | 08/09/2025         | 21.300                          | -1,62%           | 20.800 - 23.500                | -3,93%                            |
| VNINDEX                                             | 08/08/2025       | 1.584,95                      | 08/09/2025         | 1.624,53                        | 2,50%            | 1.585 - 1.711                  |                                   |
| Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 08/08 - 08/09 |                  |                               |                    |                                 | -1,43%           |                                | -4,42%                            |

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

## HỆ THỐNG CHI NHÁNH

### • Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 – 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

### • Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60–70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

### • Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 – 3944 5176

## KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.